

Số: 590/TB-VP

Kiên Giang, ngày 10 tháng 10 năm 2016

## THÔNG BÁO

### **Ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Mai Anh Nhị về việc thông qua các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh**

Ngày 02/8/2016 và ngày 05/9/2016, UBND tỉnh tổ chức buổi làm việc để nghe Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tình hình xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án năm 2016 thực hiện theo Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 08/3/2016 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020. Sau khi nghe báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ý kiến đóng góp của các sở, ngành, Phó Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo, bổ sung cho các đề án, chương trình, kế hoạch như sau:

#### **1. Chương trình phát triển nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp vùng Tứ giác Long Xuyên và vùng U Minh Thượng:**

- Về mục tiêu cụ thể của Chương trình: Căn cứ theo Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 08/3/2016 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020 để xây dựng cho phù hợp.

- Về đánh giá hiện trạng: Làm rõ những mặt hạn chế, bất cập, khó khăn còn vướng mắc trong nuôi tôm nước lợ, tách biệt mặt hạn chế và nguyên nhân (chủ quan, khách quan) như: Khâu sản xuất giống còn yếu,...; các cơ quan chuyên môn hỗ trợ kỹ thuật cho người dân chưa nhiều, vai trò các cơ quan chuyên môn còn ít (định hướng tiếp cận khoa học kỹ thuật cho dân, đi sau dân,...); hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản còn bất cập.

- Về công tác quản lý trong thức ăn, giống, xử lý cải tạo môi trường, các chế phẩm sinh học: Kêu gọi xã hội hóa đầu tư, thực hiện; tập trung các dự án phát triển giống thủy sản chất lượng cao, nhất là giống tôm nước lợ phục vụ nuôi trồng tại chỗ; bổ sung các giải pháp môi trường (lập trạm quan trắc môi trường độc lập, dự báo thời tiết...); các giải pháp tuyên truyền: Tăng cường cung cấp thông tin cho người nuôi tôm (độ mặn, nguồn nước, thông tin thị trường...).

- Bổ sung giải pháp xây dựng mô hình “Sản xuất theo chuỗi” trong phần giải pháp tổ chức sản xuất, tiến tới xây dựng thương hiệu tôm cho vùng.

- Về các giải pháp thực hiện: Rà soát, sắp xếp lại thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư, xem xét bỏ các dự án không thực sự cần thiết (bỏ Phụ lục các dự án ưu tiên kèm theo); phối hợp với Sở Tài chính xem xét nguồn vốn đầu tư, cân đối



kinh phí thực hiện cho các dự án kèm theo Chương trình tham mưu cho UBND tỉnh.

- Về tổ chức thực hiện: Bổ sung trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của các sở, ngành; nâng cao vai trò Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các địa phương trong liên kết sản xuất, phát triển kinh tế tập thể.

## **2. Chương trình phát triển rừng sản xuất làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ:**

- Bổ sung đánh giá thực trạng rừng sản xuất: Rà soát diện tích, chất lượng, trữ lượng rừng sản xuất, cây phân tán trong dân của địa phương; thực trạng về chế biến gỗ (trước đây là chế biến thô sơ, nhỏ lẻ...) trong thời gian qua và khả năng cung cấp, sản xuất của nhà máy chế biến gỗ hiện nay.

- Đánh giá thêm về công tác giao đất, cho thuê đất bảo vệ rừng trong thời gian qua; tình hình tiêu thụ sản phẩm từ đó dự báo thị trường, xác định sản lượng khai thác, chế biến cho từng giai đoạn cụ thể.

- Về phương hướng: Xác định nhu cầu gỗ cung cấp cho nhà máy chế biến gỗ từ nay đến năm 2020, xây dựng vùng nguyên liệu cho phù hợp với nhu cầu của nhà máy (đặt ra nhiệm vụ, diện tích cần thiết cho rừng sản xuất do nhà nước quản lý, rừng sản xuất giao cho tập đoàn cao su, rừng sản xuất trong dân và cây phân tán).

- Về mục tiêu: Nêu được hiệu quả của việc trồng rừng, thuyết phục được người dân về mục tiêu phát triển bảo vệ rừng và quyền lợi, nghĩa vụ trong việc trồng rừng, đảm bảo được diện tích rừng là năm nâng cao thu nhập...từ đó phát triển rừng sản xuất và cây phân tán của hộ gia đình.

- Về nhiệm vụ: Tiếp tục phát triển rừng theo quy hoạch được duyệt; dựa trên cơ sở quy hoạch xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ cho nhà máy cho từng địa phương (Hòn Đất, U Minh Thượng, An Minh...).

- Về giải pháp thực hiện: Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên Giang xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ nhà máy chế biến gỗ; xác định giống cây trồng, kinh phí thực hiện, chính sách hỗ trợ người dân để trồng rừng theo từng điều kiện tự nhiên của vùng; xây dựng giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác và chế biến gỗ.

- Về kinh phí thực hiện: Xem xét, xây dựng cho từng giai đoạn cụ thể, không nên dàn trải, chủ yếu kêu gọi hợp tác đầu tư và nguồn xã hội hóa để thực hiện chương trình.

- Đổi tên Phụ lục 1 lại là “Các chương trình hoạt động để phát triển rừng sản xuất phục vụ nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên Giang”.

## **3. Đề án kiểm soát mặn, giữ ngọt phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt của nhân dân giai đoạn 2016-2020:**

V  
A  
I  
N  
H

- Về thực trạng: Phân tích đặc điểm của từng vùng (Tứ giác Long Xuyên, Tây Sông Hậu, U Minh Thượng), cơ sở hạ tầng, hệ thống thủy lợi phục vụ cho sản xuất, đánh giá hiện trạng các công trình thủy lợi trong vùng, việc đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi... Bổ sung căn cứ về kế hoạch hành động; phân tích thêm về tình hình biến đổi khí hậu, nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt ngày càng khó khăn,... Ngoài ra hệ thống kênh ven kênh Rạch Giá – Hà Tiên, ven sông Cái Bé, Cái Lớn,...; một số hệ thống cửa sông chưa có công trình ngăn mặn, còn đắp đập tạm; hệ thống cấp nước, lấy nước, công suất; cấp nước đô thị, cấp nước nông thôn;

- Sắp xếp bố cục cho hợp lý như: A. Hệ thống thủy lợi kiểm soát mặn, giữ ngọt phục vụ sản xuất; I. Vùng Tứ giác Long Xuyên; II. Rạch Giá, Tây Sông Hậu; III. Vùng U Minh Thượng.

- Phần Mục tiêu, nội dung chỉnh sửa lại là Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; lưu ý giải pháp cho từng vùng, xây dựng kế hoạch đắp đập ngăn mặn từng vụ, và từng bước đầu tư trữ ngọt phục vụ sản xuất; có giải pháp cụ thể cho phân cấp nước sinh hoạt cho đô thị cũng như vùng nông thôn.

- Về tổ chức thực hiện: Giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện đề án này.

#### **4. Đề án phát triển giống gia súc, gia cầm và Chương trình giống cây trồng vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang:**

- Về đề cương đề án: Cần sắp xếp, gom gọn lại, nội dung đề án cần được xây dựng cụ thể, để có thể triển khai thực hiện được và có hiệu quả.

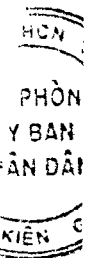
- Thêm vào Mục I: Nội dung chủ yếu là quan điểm phát triển giống cây trồng vật nuôi phục vụ xã hội hóa công tác giống; tập trung sản xuất một số giống chủ lực cho địa phương như: Một số giống lúa, heo, gà vịt,...

- Lưu ý quy hoạch sản xuất giống phải gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; hướng tới mục tiêu phải đáp ứng được nhu cầu giống cho sản xuất của địa phương.

- Về mục tiêu cụ thể: Theo lộ trình từ nay đến năm 2020, ngành nông nghiệp sản xuất được bao nhiêu phần trăm nhu cầu giống cây trồng, vật nuôi cho sản xuất ở địa phương và chuyển giao xã hội hóa được bao nhiêu phần trăm; cần đưa ra loại giống cụ thể (sản xuất bao nhiêu loại, có đặc tính phù hợp với biến đổi khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương). Riêng đối với giống thủy sản: Nghiên cứu cho sinh sản một số đối tượng nuôi có hiệu quả như cá bóp, tôm càng xanh,... sau đó chuyển giao xã hội hóa thực hiện.

- Thống nhất đề xuất xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học chọn tạo ra giống mới có năng suất cao, và có nhiều ưu thế. Nhưng ưu tiên là nghiên cứu khảo nghiệm, nhân rộng các giống đã được chọn tạo có năng suất, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và thổ nhưỡng của địa phương.

- Về giải pháp thực hiện: Nghiên cứu giải pháp cụ thể để đẩy mạnh xã hội hóa công tác giống.



- Về kinh phí thực hiện: Cần nghiên cứu lồng ghép các chương trình, dự án, và kinh phí sự nghiệp của tỉnh hàng năm cấp cho ngành nông nghiệp, ưu tiên những chương trình, dự án thật sự cần thiết, cấp bách. Tách phần nhu cầu vốn cho đầu tư công thành biểu riêng.

- Về tiến độ thực hiện: Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại để bố trí tiến độ cho phù hợp. Xem lại nhiệm vụ của các sở, ngành để bổ sung cho hợp lý.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xin thông báo ý kiến của Thường trực UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: NN&PTNT; TN&MT; KH&ĐT; KH&CN; TC;
- LĐVP, P. KTCN; P.TH;
- Lưu: VT; cvquoc (01b).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trần Công Danh**

